

**SÁCH HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG
TRANG THÔNG TIN HỖ TRỢ
XUẤT KHẨU CHO CÁC
NƯỚC ĐANG PHÁT TRIỂN**

Tháng Giêng năm 2009



Lời chào mừng của Cao Ủy Thương mại Catherine Ashton

Các bạn thân mến,

Tôi rất hân hạnh được chào đón các bạn tới thăm trang thông tin điện tử “Hỗ trợ xuất khẩu dành cho các nước đang phát triển” (EH), một dịch vụ trực tuyến miễn phí do Ủy Ban Châu Âu cung cấp.

Liên minh Châu Âu cam kết đưa ra những chính sách thương mại cho phép các đối tác thương mại của chúng tôi ở các nước đang phát triển có thể được lợi ích nhiều nhất từ việc tiếp cận một cách rộng rãi vào thị trường EU. Tôi tin tưởng chắc chắn rằng tiềm năng mà các cơ chế ưu đãi thương mại của EU dành cho các nước đang phát triển sẽ giúp tăng cường việc xuất khẩu của những nước này sang EU và đồng thời thắt chặt hơn nữa sợi dây liên hệ giữa các nền kinh tế đó với dòng thương mại toàn cầu. Cơ chế này thực sự đi vào cuộc sống khi mà một doanh nghiệp nhỏ ở Châu Phi, Thái Bình Dương hay một nơi nào khác trong thế giới các quốc gia đang phát triển lần đầu tiên bán được các sản phẩm hàng hóa của mình ở Châu Âu.

Để thương mại quốc tế có thể phát huy mạnh mẽ nhất tiềm năng của nó trong thế giới toàn cầu hóa như ngày nay, việc tiếp cận với thông tin đóng vai trò then chốt. Trang thông tin điện tử hỗ trợ xuất khẩu của Ủy ban Châu Âu đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp xuất khẩu tại những nước đang phát triển trong việc tiếp cận với các thông tin một cách dễ dàng và rõ ràng nhất để khai thác tối đa các cơ hội tiếp cận thị trường hiện tại cũng như các cơ hội mới mẻ. Kể từ khi chính thức vận hành vào tháng Hai năm 2004, trang thông tin điện tử hỗ trợ xuất khẩu dành cho các nước đang phát triển đã mở rộng các dịch vụ của mình nhằm cung cấp một công cụ thiết thực chuyển tải các thông tin liên quan và cập nhật tới các thành phần kinh tế ở các nước đang phát triển.

Tôi khuyến khích các bạn tận dụng tối đa các cơ hội kinh doanh mà thị trường EU mở ra cho các bạn. Trang thông tin điện tử hỗ trợ xuất khẩu là một trong những công cụ có thể giúp các bạn đạt được mục đích này.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

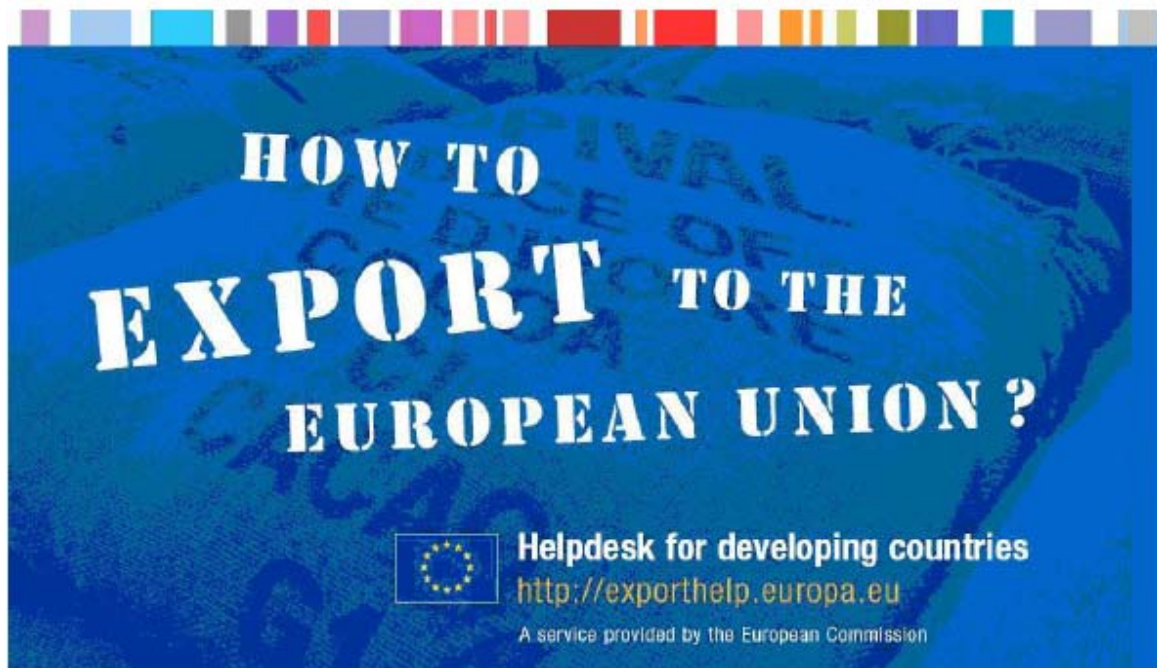
CÁC MỤC CHÍNH

- 1 CÁC YÊU CẦU VÀ THUẾ**
- 2 THUẾ NHẬP KHẨU**
- 3. CHỨNG TỪ HẢI QUAN**
- 4. QUY TẮC XUẤT XỨ**
- 5. THỐNG KÊ THƯƠNG MẠI**
- 6. THƯƠNG TRƯỜNG**
- 7. ĐƯỜNG LIÊN KẾT**
- 8. HỘP THƯ LIÊN HỆ**
TUYÊN BỐ

TỜ RƠI

Tờ rơi về Trang thông tin điện tử hỗ trợ xuất khẩu được trình bày bằng tiếng Anh, Pháp, Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha, có thể truy cập từ đường truyền dưới đây:

<http://trade.ec.europa.eu/doclib/html/123139.htm>



Hướng dẫn sử dụng

“Hỗ trợ xuất khẩu – Export Helpdesk” cho các nước đang phát triển là gì?

“Hỗ trợ xuất khẩu – Export Helpdesk” là một dịch vụ trực tuyến của Ủy ban châu Âu nhằm tạo thuận lợi cho các nước đang phát triển tiếp cận thị trường EU. Dịch vụ này được cung cấp tại trang điện tử: <http://exporthelp.europa.eu>



Đây là một dịch vụ trực tuyến miễn phí và thân thiện cho các nhà xuất khẩu, nhập khẩu, hiệp hội thương mại và chính phủ với các tiện ích như sau:

- ✓ Thông tin về các yêu cầu nhập khẩu của EU và các nước thành viên cũng như các loại thuế nội địa có thể áp dụng đối với các sản phẩm;
- ✓ Thông tin về các cơ chế nhập khẩu ưu đãi của EU dành cho các nước đang phát triển;
- ✓ Dữ liệu thương mại của EU và các nước thành viên;
- ✓ Các đường kết nối với các cơ quan thẩm quyền và các tổ chức quốc tế khác liên quan đến các hoạt động thương mại và xúc tiến thương mại;
- ✓ Khả năng gửi các yêu cầu với thông tin chi tiết về các tình huống thực tế mà các nhà xuất khẩu có thể gặp.

Export Helpdesk hỗ trợ các nhà xuất khẩu từ các nước đang phát triển như thế nào?

- ✓ Để tìm thông tin về các yêu cầu nhập khẩu của EU và các nước thành viên cũng như thông tin về các loại thuế nội địa, hãy vào mục “**Các Yêu cầu và Thuế - Requirements and Taxes**”.
- ✓ Để tận dụng tối đa lợi thế của các cơ chế thương mại ưu đãi của EU dành cho các nước đang phát triển, hãy vào mục “**Thuế Nhập khẩu -Import Tariffs, Chứng từ Hải quan – Customs Documents và Quy tắc Xuất xứ -Rules of Origin**”.
- ✓ Muốn xác định một thị trường nhất định trong EU có thật hấp dẫn không, hãy vào mục “**Thống kê Thương mại - Trade Staticstics**”.
- ✓ Muốn tìm đối tác thương mại và địa chỉ liên hệ trong EU, hãy vào mục “**Đường Liên kết - Links**”.
- ✓ Muốn tìm thông tin chi tiết về các tình huống thực tế mà các nhà xuất khẩu thường gặp, hãy vào mục “**Liên hệ - Contact**”.

1. CÁC YÊU CẦU VÀ THUẾ - REQUIREMENTS AND TAXES

Mục '**Các yêu cầu và thuế - Requirements and taxes**' giúp người sử dụng tiếp cận thông tin chi tiết về các yêu cầu nhập khẩu của EU và các nước thành viên cũng như các loại thuế nội địa có thể áp dụng đối với các sản phẩm. Xin lưu ý rằng mục này chỉ bao hàm các nước được hưởng Hệ thống Ưu đãi Phổ cập (GSP), cũng như các nước trước kia được hưởng ưu đãi GSP mà nay đang có hiệp định thương mại song phương với Liên minh châu Âu.

Để sử dụng mục '**Các yêu cầu và thuế - Requirements and taxes**', cần theo các bước dưới đây:

Bước 1 - Vào '**Requirements and Taxes Input Form**'

<http://exporthelp.europa.eu/thdapp/taxes/MSServlet?languageId=EN>

The screenshot shows the 'Requirements and Taxes' section of the exporthelp.europa.eu website. At the top, there is a navigation bar with tabs: 'Requirements & taxes' (selected), 'Import Tariffs', 'Customs Documents', 'Rules of Origin', 'Trade Statistics', 'Market Place', and 'Links'. Below the navigation bar, the title 'REQUIREMENTS AND TAXES' is displayed. A descriptive text states: 'This section provides information concerning EU and Member States' import requirements and internal taxes. Please note that this section only covers beneficiary countries of the General System of Preferences (GSP)'. The main area is titled 'Input Form' and contains the following fields: 'Enter a product code (2,4,6,8 digits)' with a text input field and a 'Browse or Search' button; 'Select a country of origin' with a dropdown menu; 'Select a destination country' with a dropdown menu; and a 'VIEW' button at the bottom right.

Bước 2 - Điền mã sản phẩm

NẾU BẠN ĐÃ BIẾT MÃ SẢN PHẨM:

- Điền mã sản phẩm vào ô '**product code**' (chú ý rằng bạn có thể điền mã liên quan theo dạng 2,4,6 hoặc 8 số).
- Chuyển sang **Bước 3**

NẾU BẠN CHƯA BIẾT MÃ SẢN PHẨM:

PHƯƠNG ÁN A

- Nhấp chuột vào đường dẫn 'Search' (phía bên phải của ô 'product code'). Đánh vào mô tả sản phẩm và nhấp chuột vào nút '**Search**'.
- Nếu mô tả sản phẩm đã có sẵn trong catalogue, trang **Kết quả Tìm kiếm - Search Results** - sẽ mở ra với một danh mục sản phẩm và mã số tương ứng của chúng.
- Trên trang **Kết quả Tìm kiếm**, hãy nhấp chuột vào mã số sản phẩm trong cột đầu tiên bên trái cho sản phẩm thích hợp. Một trang **Danh mục Sản phẩm – Product List** sẽ hiện ra với các mô tả sản phẩm chi tiết hơn và mã số tương ứng của chúng.
- Nhấp chuột vào mã số sản phẩm trong cột đầu tiên bên trái tương ứng với sản phẩm bạn cần tìm hiểu.
- Chuyển sang **Bước 3**.

Nếu bạn không thể tìm được mã sản phẩm bằng cách sử dụng PHƯƠNG ÁN A, bạn có thể thử PHƯƠNG ÁN B:

- Nhấp chuột vào đường link '**Browse**' trên '**Requirements and Taxes Input Form**' sẽ thấy trang '**Chapter List**' mở ra.

REQUIREMENTS AND TAXES

Chapter List	Search
Section I	Live animals; animal products
Chapter 01	LIVE ANIMALS
Chapter 02	MEAT AND EDIBLE MEAT OFFAL
Chapter 03	FISH AND CRUSTACEANS, MOLLUSCS AND OTHER AQUATIC INVERTEBRATES
Chapter 04	DAIRY PRODUCE; BIRDS' EGGS; NATURAL HONEY; EDIBLE PRODUCTS OF ANIMAL ORIGIN, NOT ELSEWHERE SPECIFIED OR INCLUDED
Chapter 05	PRODUCTS OF ANIMAL ORIGIN, NOT ELSEWHERE SPECIFIED OR INCLUDED
Section II	Vegetable products
Chapter 06	LIVE TREES AND OTHER PLANTS; BULBS, ROOTS AND THE LIKE; CUT FLOWERS AND ORNAMENTAL FOLIAGE
Chapter 07	EDIBLE VEGETABLES AND CERTAIN ROOTS AND TUBERS
Chapter 08	EDIBLE FRUIT AND NUTS; PEEL OF CITRUS FRUITS OR MELONS
Chapter 09	COFFEE, TEA, MATÉ AND SPICES
Chapter 10	CEREALS
Chapter 11	PRODUCTS OF THE MILLING INDUSTRY; MALT; STARCHES; INULIN; WHEAT GLUTEN
Chapter 12	OIL SEEDS AND OLEAGINOUS FRUITS; MISCELLANEOUS GRAINS, SEEDS AND FRUIT; INDUSTRIAL OR MEDICINAL PLANTS; STRAW AND FEEDER

- Nếu bạn tìm thấy mô tả cho sản phẩm của mình được nêu trong 1/21 nhóm, nhấp chuột vào đề mục chương thích hợp trong cột '**Section**' ở bên trái.
- Một trang '**Product List**' sẽ mở ra với các mô tả sản phẩm chi tiết hơn và các mã số sản phẩm tương ứng với chúng.
- Nhấp chuột vào mã sản phẩm tương ứng trong cột đầu tiên bên trái.
- Chuyển sang **Bước 3**.

Nếu bạn không thể tìm thấy mã sản phẩm với **PHƯƠNG ÁN A** hoặc **PHƯƠNG ÁN B**, bạn có thể thử **PHƯƠNG ÁN C**:

- Gửi yêu cầu tìm mã số sản phẩm tới dịch vụ "Thông tin thuế quan ràng buộc – Binding Tariff Information" (BTI) theo hướng dẫn trong trang web sau:

http://ec.europa.eu/taxation_customs/common/databases/ebti/index_en.htm

Bước 3 - Chọn nước xuất xứ - country of origin

Bạn cần chọn một nước xuất xứ để sử dụng phần **Các Yêu cầu và Thuế - Requirements and Taxes** của trang web bằng cách chọn các phương án có sẵn trong danh mục được sắp xếp từ trên xuống dưới.

Bước 4 - Chọn nước xuất khẩu sản phẩm tới – destination country

Bạn cũng cần chọn một nước xuất khẩu sản phẩm tới (nước thành viên EU mà sản phẩm sẽ được xuất khẩu tới) trong ô danh mục thứ hai có sẵn được sắp xếp từ trên xuống dưới. Nhấp chuột vào nút '**View**' để vào '**Danh mục Yêu cầu - Requirement List**' liên quan.

Bước 5 - Đọc trang 'Danh mục Yêu cầu - Requirement List'

Thông tin trong trang '**Danh mục Yêu cầu**' được chia làm 4 loại khác nhau và được tiếp tục chia tách trong từng loại.

REQUIREMENTS AND TAXES			
Requirement List			
Product Code	08011900		
Origin Country	Brazil (br)		
Destination Country	Belgium (BE)		
Code	Product Description		
0801	Coconuts, Brazil nuts and cashew nuts, fresh or dried, whether or not shelled or peeled		
0801 11	-Coconuts		
0801 11	--Desiccated		
0801 19	--Other		
Specific requirements for 08011900		Internal Taxes	
☐ Health control of foodstuffs of non-animal origin	EU/BE	☐ VAT and other duties	BE
☐ Labelling for foodstuffs	EU/BE		
☐ Marketing requirements for seeds and plant propagating material	EU/BE		
☐ Products from organic production	EU/BE		
General Requirements for all products			
☐ Commercial invoice	EU	☐ Customs Value Declaration	EU
☐ Freight documents	EU	☐ Freight insurance	EU
☐ Packing list	EU	☐ Single Administrative Document (SAD)	EU
Overview			
☐ Overview of Import Procedures	EU/BE	☐ VAT	EU/BE
		☐ Excise	EU/BE
COPYRIGHT			

Lưu ý: Ở cuối trang **Requirement List**, bạn có thể tìm thấy một bản **Requirements & Taxes Input Form** đã được đơn giản hóa, cho phép bạn thay đổi sản phẩm, nước xuất xứ, hoặc nước sẽ xuất khẩu sản phẩm tới mà không phải quay trở lại trang input form ban đầu.

- **Các yêu cầu cụ thể**

Nhấp chuột vào một trong những tiêu mục trong mỗi loại yêu cầu cụ thể, bạn sẽ thấy mở ra một cửa sổ mới cung cấp các thông tin chi tiết ứng với các yêu cầu cụ thể đối với sản phẩm liên quan muốn thâm nhập thị trường EU và quốc gia thành viên EU cụ thể đã được lựa chọn trong ô nước xuất khẩu sản phẩm tới.

Ví dụ: Nếu sản phẩm dự kiến xuất khẩu sang 1 nước thành viên EU là một loại thực phẩm, thì yêu cầu về **Nhãn mác đối với thực phẩm – Labelling for foodstuffs** sẽ xuất hiện trong mục '**Các Yêu cầu Cụ thể - Specific Requirements**' đối với sản phẩm đó. Nhấp chuột vào yêu cầu này, bạn sẽ thấy mở ra một cửa sổ mới với các yêu cầu nhãn mác liên quan mà sản phẩm đó cần đáp ứng để thâm nhập vào thị trường EU và bất kỳ thông tin bổ sung nào cho quốc gia Thành viên EU mà bạn đã lựa chọn để xuất khẩu sản phẩm của mình sang.

**EXPORT
HELPDESK**
for developing countries

**EXPORT
HELPDESK**
for developing countries

Notes

- This document is only available in English.
- Direct access to the Official Journal is only possible for editions published after 1997.

Labelling for foodstuffs

All foodstuffs marketed in the European Union (EU) must comply with EU labelling rules, which aim at ensuring that consumers get all the essential information to make an informed choice while purchasing their foodstuffs.

Hence, the applicable labelling provisions are as follows:

- General rules on Food Labelling
- Specific provisions for certain groups of products:
 - Labelling of Genetically Modified (GM) food and Novel Food
 - Labelling of Foodstuffs for particular nutritional purposes
 - Labelling of materials intended to come into contact with food
 - Labelling of particular foodstuffs

Besides these mandatory rules, there is also additional information that may be included by the manufacturers on a voluntary basis provided that it is accurate and does not mislead the consumer. For example, nutritional labelling is not obligatory unless a nutritional claim (e.g. "low fat", "high fibre") is made on the label or in advertising material. In this case, nutritional claims must comply with a standardised format, pursuant to Council Directive 90/496/EEC (OJ L 276 06/10/1990). Similarly, Council Regulation (EEC) 2092/91 (OJ L 209 24/07/1992) sets out rules governing the use of the organic label.

General rules on food labelling

Labels of foodstuffs according to the general rules laid down by Council Directive 2000/13/EC (OJ L 109 06/05/2000) must contain the following particulars:

- The name under which the product is sold. No trademark, brand name or fancy name may substitute the generic name but rather may be used in addition. Particulars as to the physical condition of the foodstuff or the specific treatment it has undergone (powdered, freeze-dried, deep-frozen,

- **Các loại thuế nội địa**

Mục ***các loại thuế nội địa*** cung cấp thông tin về các loại thuế nội địa (thuế giá trị gia tăng và bất kỳ các khoản thuế nào khác) áp dụng tại quốc gia thành viên EU đã lựa chọn đối với sản phẩm cụ thể đó. **Thuế tiêu thụ đặc biệt** nói chung sẽ được tính theo công thức sau: **[đơn vị tiền tệ] số lượng đơn vị/ [đơn vị tính thuế]** (ký hiệu “/” được đọc là “trên mỗi”).

Ví dụ: Làm thế nào để tính thuế tiêu thụ đặc biệt của 4 hectôlit rượu có 50% hàm lượng cồn khi mức thuế tương ứng tìm thấy là 754.77 Eur/h rượu cồn nguyên chất? Ta thấy đơn vị tiền tệ là “Euro”, số lượng đơn vị là “754.77” và đơn vị tính thuế là “hectôlit rượu cồn nguyên chất”. Như vậy, mức thuế này cần được hiểu là “754.77 Euro trên 1 hectôlit rượu cồn nguyên chất”. 4 hectôlit rượu có 50% hàm lượng cồn tương đương với 2 hectôlit (= 4 x 50%) rượu cồn nguyên chất và sẽ phải trả một khoản thuế là 754.77 Euro x 2 = 1509.54 Euro.

- **Các yêu cầu chung đối với tất cả các sản phẩm**

Mục ***Các Yêu cầu Chung Đối với Tất cả Các Sản phẩm*** được chia thành 6 tiểu mục gồm: ***Hoá đơn thương mại, Tờ khai trị giá hải quan, Bảo hiểm vận chuyển, Tờ khai nhập khẩu (SAD), Vận đơn, và Danh mục hàng hoá.***

Nhấp chuột vào một tiểu mục, bạn sẽ thấy một cửa sổ mới mở ra với các thông tin chi tiết về mục đã chọn.

- **Tổng quan về thủ tục nhập khẩu**

Mục này giới thiệu tổng quan các thủ tục nhập khẩu cả ở cấp EU và cấp quốc gia thành viên EU đã chọn, cũng như các quy định về thuế VAT và thuế tiêu thụ đặc biệt của EU và nước thành viên EU.



Notes

- This document is only available in English.
- Direct access to the Official Journal is only possible for editions published after 1997.

European Union - Overview of Import Procedures

Table of contents:

1. Introduction
2. Customs Union
3. Single Market
4. Product Classification in Tariff Nomenclatures
5. Import Trade Regime
6. Food and Feed Safety
7. Animal Health
8. Plant Health
9. Public Health
10. Environment Protection
11. Marketing Standards for agricultural and fishery products
12. Product Safety
13. Technical Standardisation
14. Packaging
15. Labelling

1. Introduction

This document intends to give a general overview of the European Union (EU) requirements to be met when importing goods from developing countries. These measures are adopted to protect public health, environment, consumers' demands, etc.

2. THUẾ NHẬP KHẨU - IMPORT TARIFFS

Mục *Thuế Nhập khẩu* giúp người sử dụng tiếp cận các thông tin chi tiết liên quan đến thuế nhập khẩu và các biện pháp khác áp dụng đối với một sản phẩm nhất định.

Để sử dụng mục *Thuế Nhập khẩu*, bạn hãy làm theo các bước sau:

Bước 1 - Vào *Requirements and Taxes Input Form*

<http://exporthelp.europa.eu/thdapp/taric/TaricServlet?languageId=EN>

The screenshot shows the 'IMPORT TARIFFS' section of the website. It features a navigation bar with tabs: Requirements & taxes, Import Tariffs, Customs Documents, Rules of Origin, Trade Statistics, Market Place, and Links. Below the navigation bar, there is a section titled 'IMPORT TARIFFS' with a description: 'This section provides information to take full advantage of the EU's preferential trade regimes.' The 'Input Form' section contains three input fields: 'Enter a product code (2, 4, 6, 8, 10 digits)' with a 'Browse or Search' button, 'Select a country of origin' with a dropdown menu, and 'Select a simulation date' with three dropdown menus for day, month, and year. A 'View' button is located below the date fields.

Bước 2 - Nhập mã số sản phẩm

NẾU BẠN ĐÃ BIẾT MÃ SẢN PHẨM

- Nhập mã số sản phẩm vào ô '**product code**' (lưu ý là bạn có thể chọn nhập mã sản phẩm liên quan dưới dạng 2, 4, 6, 8 hoặc 10 số)
- Chuyển sang **Bước 3**

NẾU BẠN CHƯA BIẾT MÃ SẢN PHẨM

PHƯƠNG ÁN A

- Nhấp chuột vào đường link 'Search' (ở bên phải ô 'product code'). Nhập mô tả sản phẩm và nhấp chuột vào nút Search.

- Nếu mô tả sản phẩm đã có sẵn trong danh mục thì một trang **Kết quả tìm kiếm – Search Results** sẽ mở ra với một danh sách các sản phẩm và mã số tương ứng.
- Trong trang **Kết quả Tìm kiếm**, hãy nhấp chuột vào mã số sản phẩm ở cột đầu tiên bên trái tương ứng với sản phẩm liên quan. Một trang **Danh mục Sản phẩm - Product List** sẽ mở ra với các mô tả sản phẩm chi tiết hơn và mã số sản phẩm tương ứng với chúng.
- Nhấp chuột vào mã số sản phẩm ở cột đầu tiên bên trái ứng với sản phẩm liên quan.
- Chuyển sang **Bước 3**.

Nếu sử dụng **PHƯƠNG ÁN A** mà bạn không tìm thấy mã số sản phẩm thì bạn có thể thử **PHƯƠNG ÁN B**:

- Nhấp chuột vào đường link 'browse' trên **Import Tariffs Input Form** sẽ thấy hiện ra trang '**Danh mục Chương - Chapter List**'.

IMPORT TARIFFS	
Chapter List	Search
Section I	Live animals; animal products
Chapter 01	LIVE ANIMALS
Chapter 02	MEAT AND EDIBLE MEAT OFFAL
Chapter 03	FISH AND CRUSTACEANS, MOLLUSCS AND OTHER AQUATIC INVERTEBRATES
Chapter 04	DAIRY PRODUCE; BIRDSEGGs; NATURAL HONEY; EDIBLE PRODUCTS OF ANIMAL ORIGIN, NOT ELSEWHERE SPECIFIED OR INCLUDED
Chapter 05	PRODUCTS OF ANIMAL ORIGIN, NOT ELSEWHERE SPECIFIED OR INCLUDED
Section II	Vegetable products
Chapter 06	LIVE TREES AND OTHER PLANTS; BULBS, ROOTS AND THE LIKE; CUT FLOWERS AND ORNAMENTAL FOLIAGE
Chapter 07	EDIBLE VEGETABLES AND CERTAIN ROOTS AND TUBERS
Chapter 08	EDIBLE FRUIT AND NUTS; PEEL OF CITRUS FRUITS OR MELONS
Chapter 09	COFFEE, TEA, MATÉ AND SPICES
Chapter 10	CEREALS
Chapter 11	PRODUCTS OF THE MILLING INDUSTRY; MALT; STARCHES; INULIN; WHEAT GLUTEN
Chapter 12	OIL SEEDS AND OLEAGINOUS FRUITS; MISCELLANEOUS GRAINS, SEEDS AND FRUIT; INDUSTRIAL OR MEDICINAL PLANTS; STRAW AND FODDER

- Nếu bạn tìm thấy mô tả cho sản phẩm của mình được nêu ở một trong 21 nhóm, nhấp chuột vào đề mục chương thích hợp trong cột '**Section**' ở bên trái.

- Một trang ***Danh mục sản phẩm – Product List***, sẽ mở ra với các mô tả sản phẩm chi tiết hơn và các mã số sản phẩm tương ứng.
- Nhấp chuột vào mã số sản phẩm trong cột đầu tiên bên trái tương ứng với sản phẩm cần tìm.
- Chuyển sang **Bước 3**.

Nếu bạn không tìm thấy mã sản phẩm sau khi đã sử dụng cả PHƯƠNG ÁN A hoặc PHƯƠNG ÁN B, bạn có thể thử PHƯƠNG ÁN C:

- Gửi yêu cầu tìm mã số sản phẩm qua dịch vụ ‘ Thông tin thuế quan ràng buộc – Binding Tariff Information’ (BTI) bằng cách làm theo các chỉ dẫn nêu tại đường link :
http://ec.eu/taxation_customs/common/databases/ebti/

Bước 3 - Chọn nước xuất xứ

Nếu bạn không chọn một nước xuất xứ, bạn sẽ không được cung cấp bất kỳ thông tin ưu đãi thuế quan nào – **GSP, EPA** hay **Hiệp định Thương mại Tự do**- mà chỉ có được thuế quan áp dụng đối với tất cả các sản phẩm bất kể nước xuất xứ (Thông tin thuế quan Erga Omnes).

Bước 4 - Chọn 1 ngày giả định

Ngày giả định đã được cài đặt tự động là ngày mà trang web đang được sử dụng, nhưng bạn cũng có thể chọn một ngày sớm hơn từ ngày 1.1.1998 trở đi.

Bước 5 - Nhấp chuột vào ‘ View’

Bước 6 - Xem trang ‘ Import Tariff Results’

Trang **Import Tariff Results** sẽ được chia thành 2 hoặc 3 bảng.

Requirements & Taxes	Import Tariffs	Customs Documents	Rules of Origin	Trade Statistics	Market Place	Links
----------------------	----------------	-------------------	-----------------	------------------	--------------	-------

IMPORT TARIFFS

Results					
Product Code		0301109000			
Country of origin		Zambia			
Simulation date		January 19, 2009			
Code	Product Description				
0301	Live fish				
0301 10	-Ornamental fish				
0301 10 10	--Freshwater fish				
0301 10 90	--Saltwater fish				
Origin	Add. Code	Measure Type	Tariff	Footnote	Regulation/ Decision
Erga omnes		Third country duty	7.5 %		R9822610
Erga omnes		Import control measure		CD370	R9703380
Economic Partnership Agreements		Tariff preference	0 %		R0715280
GSP (R 08/732) - Annex I Column D Excl. (MM)		Tariff preference	0 %		R0807322
Source DG Taxation and Customs Union Taric					

Source DG Taxation and Customs Union Taric

Bảng 1

- **Cột 1** là cột **Mã số** sản phẩm
- **Cột 2** là cột **Mô tả Sản phẩm**

Bảng 2

Bảng 2 sẽ xuất hiện ngay bên dưới Bảng 1 và được chia thành 6 cột:

- **Cột 1** là cột **Xuất xứ**. Tùy thuộc vào nước xuất xứ đã được lựa chọn trong **Import Tariffs Input Form**, Cột 1 sẽ liệt kê các thông tin sau đây:
- **Erga Omnes**: Đây là thuế suất áp dụng cho tất cả các sản phẩm không tính đến nước xuất xứ.
- **GSP**: Đây là thuế suất áp dụng đối với sản phẩm được hưởng Hệ thống Ưu đãi Phổ cập của EU (Ưu đãi Chung, GSP + hoặc Mọi Thứ Trừ Vũ khí).

- **EPA:** Đây là thuế suất áp dụng với sản phẩm từ các nước đã hoàn tất đàm phán về một thỏa thuận thiết lập hoặc dẫn tới việc thiết lập Hiệp định Đối tác Kinh tế (EPA).
- **FTA:** Các hiệp định thương mại tự do khác nhau được dẫn chiếu trong Cột 1 theo tên nước, ví dụ Chi-lê, Ai Cập, v.v...

Ghi chú: Nếu một nước đủ điều kiện được hưởng nhiều hơn một cơ chế thương mại ưu đãi, doanh nghiệp có thể chọn cơ chế nào có lợi hơn. Tuy nhiên, trong khi qui tắc xuất xứ của các cơ chế ưu đãi khác nhau nhìn chung là tương tự nhau thì vẫn có thể có những khác biệt đáng kể. Vì vậy, doanh nghiệp phải luôn luôn tham chiếu đến đúng các qui tắc xuất xứ cho cơ chế thương mại mà họ định sử dụng.

- **Cột 2** là cột **Mã số Bổ sung**. Nếu có một hay nhiều mã số xuất hiện trong cột này, biện pháp thuế quan đối với hàng nhập khẩu xuất hiện trong các cột 3 và 4 sẽ chỉ áp dụng với sản phẩm đáp ứng các tiêu chí của mã số bổ sung. Nếu có các mã số bổ sung thì bảng thứ 3 sẽ xuất hiện ngay dưới bảng 2 và cung cấp một giải thích ngắn gọn về các tiêu chí cần thiết đối với các mã số bổ sung.
- **Cột 3** là cột **Loại Biện pháp**.
- **Cột 4** là cột **Thuế suất** cung cấp các loại thuế liên quan.

Ghi chú: Các loại thuế bổ sung cũng xuất hiện trong cột này.

Các loại thuế bổ sung có thể có gồm:

- **EA:** thành phần nông nghiệp
- **ADSZ:** thuế bổ sung đối với hàm lượng đường
- **ADFM:** thuế bổ sung đối với hàm lượng bột mỳ
- **EAR:** thành phần nông nghiệp được giảm trừ
- **ADSZR:** thuế bổ sung được giảm trừ đối với hàm lượng đường

- **ADFMR:** thuế bổ sung được giảm trừ đối với hàm lượng bột mỳ.

Nếu bất kỳ một trong các từ viết tắt nêu trên xuất hiện trong **Cột 4**, thì tức là sẽ có thuế bổ sung phải trả thêm. Ví dụ như, một khoản thuế:

$$9\% + \text{EA}(1) \text{ MAX } 18.7 + \text{ADSZ}(1)$$

cần được hiểu như sau:

(9% thuế nhập khẩu + thành phần nông nghiệp(1)), không quá mức tối đa của (18.7% + thuế bổ sung ADSZ đối với hàm lượng đường (1))

Để tính toán mức thuế đầy đủ, cần phải xác định lượng thành phần nông nghiệp (**EA**) và thuế bổ sung đối với hàm lượng đường (**ADSZ**). Điều này có nghĩa là để tính được mức thuế chung cuộc, bạn phải biết được thành phần chất béo từ sữa, protein từ sữa, tinh bột/Glucose Sucrose/Đường nghịch chuyển/Isoglucose của sản phẩm.

Xác định các mức thuế bổ sung phải trả.

Để xác định các mức thuế bổ sung phải trả, ví dụ **EA, ADSZ**:

Bước 1: Vào trang chủ TARIC theo địa chỉ sau:

http://ec.europa.eu/taxation_customs/dds/tarhome_en.htm

Chọn 1 trong 2 cách có sẵn để tìm thông tin về mức thuế (hoặc theo mã số sản phẩm hoặc theo mô tả sản phẩm). Một khi bạn đã nhập vào mã số sản phẩm và nước xuất xứ, nhấp chuột vào nút 'mức thuế - duty rates'. Trong trang kết quả, nhấp chuột vào nút 'Meursing code' để mở 'cửa sổ thành phần'.

Bước 2: Nhập thành phần của hàng hoá (tỉ lệ phần trăm chất béo từ sữa, protein từ sữa, tinh bột,...) vào cửa sổ thành phần. Sau khi thành phần đã được nhập vào các trường tương ứng, nhấp chuột vào dấu = để hiển thị các mức thuế bổ sung được áp dụng.

Bước 3: Tất cả các thành phần được công nhận của các nguyên liệu khác nhau (chất béo từ sữa,...) được kết nối với một mã số bổ sung. Mã số này bắt đầu bằng một số “7”. Nếu bạn đã biết mã số thì bạn có thể nhập 3 số cuối của mã vào trường ‘enter your additional code – nhập mã số bổ sung’ trong cửa sổ thành phần. Ví dụ, nếu mã số bổ sung là 7605 thì bạn nhập số 605 vào trường nói trên.

Bạn nhất thiết phải ghi mã số bổ sung trong tờ khai hải quan. Đây là cách thức kê khai hải quan về thành phần sản phẩm để hải quan tính toán mức thuế bổ sung.

Nếu các từ viết tắt **EA**, **ADSZ** hoặc **ADFM** xuất hiện trong phần biện pháp thì tức là mức thuế bổ sung phải trả đầy đủ (tức là không được giảm trừ).

Nếu các từ viết tắt **EAR**, **ADSZR** hoặc **ADFMR** xuất hiện trong phần biện pháp thì tức là mức thuế bổ sung được giảm trừ đối với trường hợp ưu đãi được ghi trong tờ khai hải quan.

Cần lưu ý một thực tế rằng một tờ khai hải quan có ghi ưu đãi không tự nó có nghĩa là thuế bổ sung sẽ được giảm trừ. Có thể có các tờ khai ưu đãi với thuế bổ sung đầy đủ. Tuy nhiên, không thể có các tờ khai không ưu đãi (đây là các tờ khai được cấp thuế tối huệ quốc) với thuế bổ sung được giảm trừ.

Trong trường hợp thuế bổ sung được giảm trừ, bạn có thể thấy hơn một loại thuế xuất hiện trong cửa sổ thành phần. Điều này có nghĩa là có thể có hơn một mức giảm trừ đối với thuế bổ sung cho sản phẩm đó. Ví dụ, trong một tờ khai vừa có hạn ngạch ưu đãi vừa có ưu đãi đơn giản thì hãy xem các số trong ngoặc đơn – như (1), (2) - được in sau từ viết tắt. Các thuế bổ sung áp dụng là các thuế có số ứng với con số ghi trong ngoặc đơn ở mức thuế.

- **Cột 5 là cột FN (chú thích).** Thông tin bổ sung, nếu có, sẽ xuất hiện dưới dạng một mã số (ví dụ, CD020). Nhấp chuột vào mã số này sẽ thấy một cửa sổ mở ra với các thông tin liên quan.

- **Cột 6** là cột **Qui định/Quyết định**. Nhấp chuột vào mã số trong cột này sẽ mở ra một cửa sổ cung cấp thông tin liên quan đến biện pháp EU đang áp dụng. Nếu biện pháp này ban hành sau năm 1998 thì bạn sẽ thấy biểu tượng **OJ** hiện ra. Nhấp chuột vào biểu tượng **OJ** bạn sẽ được dẫn tới văn bản Công báo của Cộng đồng châu Âu trong đó biện pháp liên quan được công bố.

Bảng 3

Nếu có các **mã số bổ sung** thì sẽ có Bảng 3 xuất hiện ngay dưới Bảng 2 cung cấp một giải thích ngắn gọn về tiêu chí cần thiết đối với

3. CHỨNG TỪ HẢI QUAN - CUSTOMS DOCUMENTS

Phần này của trang web cung cấp thông tin về các chứng từ mà nhà xuất khẩu phải xuất trình để được hưởng ưu đãi thuế quan theo các chế độ thương mại khác nhau dành cho các nước đang phát triển.

CUSTOMS DOCUMENTS

This section provides information concerning the documents to be produced in order to qualify for preferential duty treatment.

1. Generalised System of Preferences (GSP)

The EU's Generalised System of Preferences (GSP) grants either duty-free access or a tariff reduction for certain products imported from GSP beneficiary countries.

The EU's GSP is implemented in cycles of ten years. The present cycle covers the years 2006-2015. The GSP is implemented by Council Regulations. Council Regulation (EC) No 732/2008 of 22 July 2008, applying a scheme of generalised tariff preferences, is valid from 1 January 2009 to 31 December 2011 and consists of the following three arrangements:

- a general arrangement, applicable to all of the beneficiary countries listed in Annex I to the regulation;
- a special incentive arrangement for sustainable development and good governance (the "GSP+"), accorded to sixteen of the beneficiary countries (published in Commission Decision 2008/938/EC of 9 December 2008) who meet certain criteria;
- a special arrangement, also known as the "Everything But Arms" initiative (or "EBA"), applicable to the fifty least developed countries.

Documentary requirements under the GSP

For further explanations concerning the main features of the GSP, please consult the [GSP web pages](#).

For further explanations concerning the requirements which products covered by the GSP have to meet to be considered as originating in the exporting country, please consult [The Guide to the rules of origin](#).

- **GSP** - Sản phẩm có xuất xứ từ các nước được hưởng GSP của EU sẽ được hưởng các mức thuế ưu đãi dự kiến sau khi nộp giấy Chứng nhận Xuất xứ Form A hoặc, trong những trường hợp cụ thể, một bản kê khai hoá đơn của nhà xuất khẩu (xem bằng chứng xuất xứ theo Hệ thống Ưu đãi Phổ cập tại - '<http://exporthelp.europa.eu/hdlinks/gsp.cfm>' - ở đây cũng có cả các mẫu chứng từ cần phải có).
- **Các nước ACP:**
 - o Sản phẩm có xuất xứ từ **các nước ACP** đã hoàn tất đàm phán về một thỏa thuận thiết lập hoặc dẫn đến việc thiết lập Hiệp định Đối tác Kinh tế (EPA) sẽ được hưởng các mức thuế ưu đãi theo **Quy chế Tiếp cận Thị trường** sau khi nộp một Giấy chứng nhận vận chuyển EUR.1, hoặc trong những trường hợp cụ thể, một bản kê khai hoá đơn của nhà xuất khẩu. (Xem các yêu cầu

về chứng từ theo Quy chế Tiếp cận Thị trường EPA -
http://exporthelp.europa.eu/hdlinks/customs_req.cfm?languageId=EN

trong đó có các mẫu chứng từ cần phải có).

- O **Các nước CARIFORUM:** Sản phẩm có xuất xứ từ các nước CARIFORUM, là các nước đã ký kết Hiệp định Đối tác Kinh tế (EPA), sẽ được hưởng các mức thuế ưu đãi theo hiệp định sau khi nộp một Giấy Chứng nhận Vận chuyển EUR.1, hoặc trong những trường hợp cụ thể, một bản kê khai hóa đơn của nhà xuất khẩu. (Xem các yêu cầu về chứng từ theo Hiệp định EPA CARIFORUM –

http://exporthelp.europa.eu/hdlinks/customs_req_car.cfm?languageId=E

N- trong đó có các mẫu chứng từ cần phải có).

- FTAs:– EU cũng có nhiều Hiệp định thương mại tự do (FTAs) với các đối tác trong khu vực (các nước Trung Âu, các nước Địa Trung Hải) và ngoài khu vực (Mêxico, Chile). FTAs hiện nay ngày càng bao hàm các điều khoản có ảnh hưởng đến các biện pháp phi thuế quan và các vấn đề định chế như các điều khoản về thuận lợi hoá thương mại và xây dựng luật lệ quy tắc trong các lĩnh vực như đầu tư, sở hữu trí tuệ, mua sắm chính phủ, tiêu chuẩn kỹ thuật và các vấn đề vệ sinh động thực vật.

4. QUI TẮC XUẤT XỨ - RULES OF ORIGIN

Phần này của trang web cung cấp thông tin về các điều kiện cần thiết phải đáp ứng để hàng hoá được hưởng thuế ưu đãi theo hệ thống GSP, Hiệp định EPA với các nước CARIFORUM, Quy chế Tiếp cận Thị trường EPA và các Hiệp định Thương mại Tự do (FTAs) với các nước sau đây : An-giê-ri, Chilê, Ai Cập, Jordani, Li Băng, Ma rốc, Mexico, Bờ Tây và Dải Gaza, Tuynisi hoặc Nam Phi.

Đối với tất cả các FTA khác, các nhà xuất khẩu nên xem “Danh mục các Thỏa thuận” của Tổng vụ Thuế và Liên minh Hải quan (DG TAXUD) tại địa chỉ:

http://ec.europa.eu/taxation_customs/customs_duties/rules_origin/preferential/article_779_en.htm

Để tìm các thông tin liên quan trong mục **Qui tắc Xuất xứ**, hãy tiến hành các bước dưới đây:

Bước 1: Vào Rules of Origin Input Form

<http://exporthelp.europa.eu/thdapp/ruleoo/inputform.jsp>

Requirements & Taxes	Import Tariffs	Customs Documents	Rules of Origin	Trade Statistics	Market Place	Links
----------------------	----------------	-------------------	-----------------	------------------	--------------	-------

RULES OF ORIGIN

This section provides information concerning preferential origin rules. It lays down the specific conditions that need to be met if goods are to qualify for advantageous tariff treatment, otherwise the full duties are applicable.

Input Form

Select a regime

GSP Rules

▼

Introductory Notes

View

Enter a product code
(2,4 digits)

Browse or Search

View

IMPORTANT NOTE

For the CARIFORUM states

The Economic Partnership Agreement (EPA) with the CARIFORUM States is provisionally applied as of 29 December 2008.

The **countries signatories** of this agreement are: Antigua and Barbuda, Bahamas, Barbados, Belize, Dominica, the Dominican Republic, Grenada, Guyana, Jamaica, Saint Lucia, Saint Vincent and the Grenadines, Saint Christopher and Nevis, Suriname, and Trinidad and Tobago.

In order to consult the Rules of Origin applicable to imports originating in the **CARIFORUM States** and contained in Protocol I to the EPA, please select "EPA CARIFORUM States" in the drop-down menu above.

For all other ACP countries

The trade regime applying to **all other ACP countries** since **1 January 2008** remains unchanged.

Bước 2- Chọn chế độ

Chọn chế độ liên quan: GSP, EPA CARIFORUM, Quy chế Tiếp cận Thị trường EPA, FTAs (An-giê-ri, Chilê, Ai cập, Jordani, Li Băng, Ma rốc, Mê-hi-cô, Chính quyền Palestine (bị chiếm đóng), Tuy-ni-zi hoặc Nam Phi).

Đối với tất cả các FTA khác, các nhà xuất khẩu nên xem “Danh mục các Thỏa thuận” của Tổng vụ Thuế và Liên minh Hải quan (DG TAXUD) tại địa chỉ:

http://ec.europa.eu/taxation_customs/customs_duties/rules_origin/preferential/article_779_en.htm

Lưu ý: Nếu một nước đủ tiêu chuẩn hưởng hơn 1 cơ chế ưu đãi thì doanh nghiệp có thể chọn cơ chế ưu đãi nào có lợi hơn. Tuy nhiên, trong khi qui tắc xuất xứ của các cơ chế ưu đãi khác nhau nói chung là tương tự nhau thì vẫn có thể có những khác biệt đáng kể. Vì vậy, doanh nghiệp phải luôn luôn tham chiếu đúng các qui tắc xuất xứ cho cơ chế ưu đãi mà mình định sử dụng.

Bước 3 - Nhập mã số sản phẩm

Nhập mã số sản phẩm vào ô '**product code**' (lưu ý là bạn có thể chọn nhập mã số liên quan theo 2, 4, 6 hoặc 8 số).

Lưu ý: Nếu bạn không biết mã số sản phẩm thì bạn có thể thử tìm mã số bằng cách làm theo chỉ dẫn trong các mục trước của tài liệu hướng dẫn này là **Các yêu cầu và Thuế hoặc Thuế nhập khẩu**.

Một trang mới sẽ mở ra cung cấp thông tin về Qui tắc xuất xứ liên quan.

Bước 4 - Xem trang Quy tắc xuất xứ

RULES OF ORIGIN

GSP - Chapter12 - Detail

HS heading	Description of product	Working or processing, carried out on non-originating materials, which confers originating status
Chapter 12	Oil seeds and oleaginous fruits; miscellaneous grains, seeds and fruit; industrial or medicinal plants; straw and fodder	Manufacture in which all the materials of Chapter 12 used are wholly obtained

How to read the rules of origin?

1. The first two columns in the list describe the product obtained. The first column gives the heading number or chapter number used in the Harmonized System and the second column gives the description of goods used in that system for that heading or chapter. For each entry in the first two columns, a rule is specified in column 3 or 4. Where, in some cases, the entry in the first column is preceded by an "ex", this signifies that the rules in column 3 or 4 apply only to the part of that heading as described in column 2.
2. Where several heading numbers are grouped together in column 1 or a chapter number is given and the description of products in column 2 is therefore given in general terms, the adjacent rules in column 3 or 4 apply to all products which, under the Harmonized System, are classified in headings of the chapter or in any of the headings grouped together in column 1.
3. Where there are different rules in the list applying to different products within a heading, each indent contains the description of that part of the heading covered by the adjacent rules in column 3 or 4.
4. Where, for an entry in the first two columns, a rule is specified in both columns 3 and 4, the exporter may opt, as an alternative, to apply either the rule set out in column 3 or that set out in column 4. If no origin rule is given in column 4, the rule set out in column 3 is to be applied.

Source **EUR-Lex**

Important note:

This is the list of working or processing operations which non-originating goods must undergo in order to acquire originating status. However, they do not apply in all cases: cumulation of origin may apply, while wholly obtained (e.g. grown) goods already have the origin of that country. Other conditions including direct transport to the Community also apply. Please click [here](#) for more detailed information on these rules of origin.

Bạn có thể tìm thấy giải thích đầy đủ về Quy tắc xuất xứ của GSP trong tài liệu hướng dẫn của Ủy ban về chủ đề này tại địa chỉ:

http://ec.europa.eu/taxation_customs/common/publications/info_docs/customs.

Hai cột đầu trong danh mục mô tả sản phẩm. Cột thứ nhất cung cấp mã số nhóm hoặc mã số chương được sử dụng trong Hệ thống Hải quan và cột thứ hai cung cấp mô tả hàng hoá được sử dụng trong hệ thống đó đối với nhóm hoặc chương hàng hoá đó. Đối với mỗi sản phẩm kê trong hai cột đầu thì sẽ có quy tắc xuất xứ tương ứng ghi trong cột 3 hoặc cột 4. Trong một số trường hợp, trước mã số nhập vào ở cột thứ nhất có ghi 'ex' thì tức là quy tắc xuất xứ ghi trong cột 3 hoặc cột 4 chỉ áp dụng đối với phần của nhóm hàng hoá được mô tả trong cột 2.

Khi một vài mã số nhóm được ghép cùng nhau trong cột 1 hoặc một mã số chương được đưa ra và mô tả sản phẩm trong cột 2 được nêu dưới dạng chung chung, thì các quy tắc liên kế trong cột 3 hoặc cột 4 sẽ áp dụng với tất cả các sản phẩm,

mà theo Hệ thống Hải hoà hải quan, được phân loại theo các nhóm của chương hoặc theo bất kỳ nhóm nào trong các nhóm được ghép cùng nhau trong cột 1.

Khi có các qui tắc khác nhau trong danh mục áp dụng cho các sản phẩm khác nhau trong cùng một nhóm, thì mỗi một khoảng thụt vào sẽ chứa đựng nội dung mô tả của phần đó của nhóm chịu sự điều chỉnh của qui tắc liền kề trong cột 3 hay cột 4.

Trong trường hợp với một mã số trong 2 cột đầu mà một qui tắc được nêu trong cả cột 3 và cột 4, nhà xuất khẩu có thể lựa chọn, như là một giải pháp thay thế, áp dụng hoặc là qui tắc nêu tại cột 3 hoặc là qui tắc nêu tại cột 4. Nếu không thấy qui tắc xuất xứ trong cột 4 thì áp dụng qui tắc nêu trong cột 3.

Ghi chú: Đây là danh mục các công đoạn gia công hoặc chế biến mà các hàng hoá phi xuất xứ phải trải qua để có được tình trạng xuất xứ. Tuy nhiên, chúng không áp dụng trong mọi trường hợp: việc tính xuất xứ cộng gộp có thể áp dụng, trong khi hàng hoá xuất xứ thuần túy (ví dụ được trồng) đã có xuất xứ của nước đó. Các điều kiện khác bao gồm cả vận chuyển trực tiếp sang Cộng đồng cũng được áp dụng.

Hãy xem các trang web sau để có thêm thông tin chi tiết:

http://ec.europa.eu/taxation_customs/customs/customs_duties/rules_origin

hoặc

<http://exporthelp.europa.eu/thdapp/rulesoo/show.jsp?cmd=note®ime=gsp&chapterNumber>

5. THỐNG KÊ THƯƠNG MẠI - TRADE STATISTICS

Phần này cung cấp các số liệu thống kê thương mại chi tiết về nhập khẩu và xuất khẩu của 27 nước thành viên EU theo khối và theo từng nước và cả thương mại nội khối EU. Đây là một công cụ rất hữu ích để tìm hiểu các thị trường tiềm năng.

Để tìm các thông tin thống kê, hãy làm theo các bước dưới đây:

Bước 1- Vào Trade Statistics Input Form

<http://exporthelp.europa.eu/thdapp/comext/ComextServlet?>

Requirements & Taxes Import Tariffs Customs Documents Rules of Origin Trade Statistics Market Place Links

TRADE STATISTICS

This section provides trade data (exports and imports) for the EU and its individual Member States.

Input Form

Enter a product code (2,4,6,8 digits) [Browse or Search](#)

Select a reporting country

Select a partner country

Select year(s)

Select indicator(s)

Bước 2 - Nhập mã số sản phẩm

NẾU BẠN ĐÃ BIẾT MÃ SỐ SẢN PHẨM:

- Nhập mã số sản phẩm vào ô **Product code** (lưu ý rằng bạn có thể nhập mã sản phẩm liên quan dưới dạng 2,4,6 hoặc 8 số).
- Xem các số liệu tổng: để xem các số liệu tổng về xuất/nhập khẩu cho tất cả các sản phẩm từ một nước lựa chọn, đánh **00** vào ô product code của input form.
- Chuyển sang **Bước 3**.

NẾU BẠN CHƯA BIẾT MÃ SỐ SẢN PHẨM:

PHƯƠNG ÁN A

- Nhấp chuột vào đường link 'search' (ở bên phải ô product code). Đánh vào mô tả sản phẩm của bạn và nhấp chuột vào nút **Search**.
- Nếu mô tả sản phẩm đã có trong catalogue thì trang **Kết quả Tìm kiếm – Search Results** sẽ mở ra với một danh mục sản phẩm và mã số tương ứng của chúng.
- Trên trang **Kết quả Tìm kiếm** bạn nhấp chuột vào mã sản phẩm trong cột thứ nhất bên trái tương ứng với sản phẩm cần tìm, bạn sẽ thấy trang **Danh mục Sản phẩm – Product List** mở ra với các mô tả sản phẩm chi tiết hơn và các mã số tương ứng của chúng.
- Nhấp chuột vào mã sản phẩm trong cột thứ nhất bên trái tương ứng với sản phẩm cần tìm.
- Chuyển sang **Bước 3**.

Nếu sử dụng PHƯƠNG ÁN A mà không tìm được mã sản phẩm thì bạn có thể thử PHƯƠNG ÁN B:

- Nhấp chuột vào đường link 'Browse' trên **Trade Statistics Input Form** và trang **Danh mục Chương - Chapter List** sẽ hiện ra.

TRADE STATISTICS

Chapter List	Search
Section I	Live animals; animal products
Chapter 01	LIVE ANIMALS
Chapter 02	MEAT AND EDIBLE MEAT OFFAL
Chapter 03	FISH AND CRUSTACEANS, MOLLUSCS AND OTHER AQUATIC INVERTEBRATES
Chapter 04	DAIRY PRODUCE; BIRDS' EGGS; NATURAL HONEY; EDIBLE PRODUCTS OF ANIMAL ORIGIN, NOT ELSEWHERE SPECIFIED OR INCLUDED
Chapter 05	PRODUCTS OF ANIMAL ORIGIN, NOT ELSEWHERE SPECIFIED OR INCLUDED
Section II	Vegetable products
Chapter 06	LIVE TREES AND OTHER PLANTS; BULBS, ROOTS AND THE LIKE; CUT FLOWERS AND ORNAMENTAL FOLIAGE
Chapter 07	EDIBLE VEGETABLES AND CERTAIN ROOTS AND TUBERS
Chapter 08	EDIBLE FRUIT AND NUTS; PEEL OF CITRUS FRUIT OR MELONS
Chapter 09	COFFEE, TEA, MATÉ AND SPICES
Chapter 10	CEREALS
Chapter 11	PRODUCTS OF THE MILLING INDUSTRY; MALT; STARCHES; INULIN; WHEAT GLUTEN
Chapter 12	OIL SEEDS AND OLEAGINOUS FRUITS; MISCELLANEOUS GRAINS, SEEDS AND FRUIT; INDUSTRIAL OR MEDICINAL PLANTS; STRAW AND FODDER

- Nếu bạn tìm thấy mô tả cho sản phẩm của mình được kê trong 1/21 nhóm, hãy nhấp chuột vào đề mục chương thích hợp trong cột **Section** ở bên trái.
- Trang '**Product List**' sẽ mở ra với các mô tả sản phẩm chi tiết hơn và các mã số tương ứng của chúng.
- Nhấp chuột vào mã số sản phẩm trong cột thứ nhất bên trái cho sản phẩm thích hợp.
- Chuyển sang **Bước 3**.

Nếu bạn không tìm được mã sản phẩm sau khi đã dùng cả PHƯƠNG ÁN A hay PHƯƠNG ÁN B, bạn có thể thử **PHƯƠNG ÁN C**:

Gửi yêu cầu tìm mã số sản phẩm qua dịch vụ “Thông tin Thuế quan Ràng buộc” (BTI) bằng cách làm theo các hướng dẫn nêu tại trang web sau:

http://ec.europa.eu/taxation_customs/common/databases/ebti

Bước 3 - Chọn Nước Báo cáo (Select a Reporting Country)

Hộp '**Select a reporting country**' được tự động định dạng tới **EUR27** (27 nước Thành viên EU).

Lựa chọn 1 – EUR27: cung cấp cho bạn các số liệu thống kê thương mại cho toàn khối EU (và từng nước riêng biệt trong số 27 thành viên).

Lựa chọn 2 – EUR25: cung cấp cho bạn các số liệu thống kê thương mại cho 25 nước thành viên EU (năm 2007, EU đã mở rộng từ 25 nước thành viên lên 27 nước).

Lựa chọn 3 - Chọn một nước báo cáo cụ thể để tìm số liệu thống kê cho nước thành viên EU đã chọn.

Bước 4 - Chọn Nước Đối tác (Select a partner country): Hộp '**Select a partner country**' được định dạng tự động tới **Tất cả Các Đối tác – All partners**.

LỰA CHỌN 1 – Tất cả các đối tác: lựa chọn này sẽ cung cấp cho bạn số liệu thống kê thương mại cho tất cả các nước.

LỰA CHỌN 2 - Chọn một nước đối tác cụ thể sẽ tìm được số liệu thống kê thương mại cho nước đối tác cụ thể đó.

Bước 5 - Chọn Năm (Select years)

Trong hộp '**Select year(s)**', bạn có thể chọn:

Lựa chọn 1 - Để xem số liệu thống kê thương mại cho một năm bất kỳ (có thể lùi tới năm 2002), nhấp chuột vào năm liên quan.

Lựa chọn 2 - Để xem cùng một lúc số liệu thống kê thương mại cho nhiều năm, nhấp chuột và bôi đậm những năm liên quan trong khi ấn nút **Ctrl** hoặc **Shift** đồng thời.

Bước 6 - Chọn chỉ số - Select indicator(s)

Hộp '**Select indicator(s)**' có sáu loại chỉ số sau đây:

- **Giá trị hàng nhập khẩu – Import Value:** bôi đậm dòng chữ này sẽ cho bạn giá trị hàng nhập khẩu theo đơn vị nghìn euro của một sản phẩm cụ thể từ nước đối tác đã chọn (tất cả các nước đối tác hoặc một nước đối tác cụ thể) được nhập khẩu vào nước báo cáo đã chọn (EUR27, EUR25 hoặc một nước thành viên EU cụ thể)
- **Khối lượng hàng nhập khẩu:** bôi đậm dòng chữ này sẽ cho bạn khối lượng hàng nhập khẩu tính theo nghìn kilôgam của một sản phẩm cụ thể từ nước đối tác đã chọn (tất cả các nước đối tác hoặc một nước đối tác cụ thể) nhập vào nước báo cáo đã chọn (EUR27, EUR25 hoặc một nước thành viên EU cụ thể).
- **Số lượng bổ sung hàng nhập khẩu:** bôi đậm dòng chữ này sẽ cho bạn số lượng bổ sung hàng nhập khẩu, nếu có, theo đơn vị của một sản phẩm nhất định từ nước đối tác đã chọn (tất cả các nước đối tác hoặc một nước đối tác cụ thể) vào nước báo cáo đã chọn (EUR27, EUR25 hoặc một nước thành viên EU cụ thể). Số lượng bổ sung này có thể tính theo lít, theo số bộ phận hay theo mét vuông, hoặc bất kỳ đơn vị đo lường nào khác mà không phải theo khối lượng tịnh của hàng hóa thông thường tính bằng kilôgam.
- **Giá trị hàng xuất khẩu:** bôi đậm dòng chữ này sẽ cho bạn giá trị hàng xuất khẩu tính theo nghìn euro của một sản phẩm nhất định từ nước báo cáo (EUR27,

EUR25 hoặc một nước thành viên EU cụ thể) xuất khẩu sang nước đối tác đã chọn (tất cả các nước đối tác hoặc một nước đối tác cụ thể).

- O **Khối lượng hàng xuất khẩu:** Bôi đậm dòng chữ này sẽ cho bạn khối lượng hàng xuất khẩu tính theo nghìn kilôgam của một sản phẩm nhất định từ nước báo cáo đã chọn (EUR27, EUR25 hoặc một nước thành viên EU cụ thể) xuất khẩu sang nước đối tác đã chọn (tất cả các nước đối tác hoặc một nước đối tác cụ thể).
- O **Số lượng bổ sung hàng xuất khẩu:** Bôi đậm dòng chữ này cho bạn số lượng bổ sung hàng xuất khẩu, nếu có, theo đơn vị của một sản phẩm cụ thể từ nước đối tác đã chọn (tất cả các nước đối tác hoặc một nước đối tác nhất định) sang nước báo cáo đã chọn (EUR27, EUR25 hoặc một nước thành viên EU nhất định). Số lượng bổ sung có thể được tính theo lít, theo số bộ phận hay theo mét vuông, hoặc đơn vị đo lường bất kỳ nào khác mà không phải là khối lượng tịnh của hàng hóa thông thường được tính bằng kilôgam.

Bước 7 - Xem trang Kết quả Số liệu Thống kê Thương mại – Trade Statistics Results

Hình thức trình bày của trang số liệu thống kê thương mại tùy thuộc vào những lựa chọn đã thực hiện trong **Trade Statistics Input Form**.

Lưu ý: Phía cuối trang có một phiên bản đơn giản hoá của **Trade Statistics Input Form** cho phép bạn có thể thay đổi các chỉ số, nước báo cáo, nước đối tác, và sản phẩm mà không cần quay lại trang Input Form ban đầu.

Tìm giá cả trên kilô cho hàng xuất/nhập khẩu: Để tìm giá cả trên kilô cho hàng nhập khẩu hay xuất khẩu, hãy chia số liệu trong cột giá trị hàng nhập khẩu hoặc xuất khẩu cho số liệu tương ứng trong cột khối lượng hàng nhập khẩu hay xuất khẩu. Ví dụ: nếu **giá trị hàng nhập khẩu** của sản phẩm X từ nước X là 3.300 euro và **khối lượng hàng nhập khẩu** là 0,3 tấn (300 kilôgram) thì chia 3.300 cho 300 sẽ được giá của sản phẩm X là 11 euro/ 1 kilôgram.

Tải về số liệu thống kê thương mại:

Chuyển số liệu trong trang **Trade Statistics Result** vào một biểu tính toán sẽ cho phép bạn thực hiện các phép tính và phân tích khác dựa trên các số liệu đã yêu cầu. Có thể chuyển dữ liệu theo hai cách sau:

PHƯƠNG ÁN A

Nhấp chuột vào đường link “TAB” hoặc “XLS” ở trên cùng của trang **Results** để tải về các kết quả tương ứng dưới dạng .tab hoặc .xls (Microsoft Excel).

PHƯƠNG ÁN B

Bước 1: Nhấp chuột vào biểu thống kê thương mại mà bạn muốn chuyển sang một trang dạng Excel.

Bước 2: Nhấp chuột phải để xem Menu.

Bước 3: Chọn “Export to Microsoft Excel”.

Một trang tính dạng Excel sẽ mở ra và số liệu thống kê thương mại từ bảng thống kê thương mại của Export Help Desk sẽ được chuyển vào một trang tính dạng Excel.

6. THƯƠNG TRƯỜNG – MARKET PLACE

Mục Thương trường vốn cung cấp một diễn đàn nhằm tạo điều kiện cho việc trao đổi/thương lượng giữa các doanh nhân đã ngừng lại do số lượng người tham gia giảm đều trong hai năm vừa qua.

Để bù lại việc không còn dịch vụ này, có hiệu lực đầy đủ kể từ 1 tháng 5 năm 2009, một tiểu mục mới đã được đưa vào mục LINKS để cung cấp đường link dẫn tới các websites khác có diễn đàn giữa các doanh nghiệp.

7. ĐƯỜNG LIÊN KẾT - LINKs

Tiếp xúc trực tiếp với các cơ quan hải quan của từng nước thành viên quan tâm, các tổ chức liên quan đến xúc tiến nhập khẩu từ các nước đang phát triển và các hiệp hội nhà nhập khẩu EU ở cấp độ EU và nước thành viên. Chúng tôi sẽ rất vui nếu nhận được các gợi ý về việc cải tiến hay bổ sung cho mục Đường Liên kết (<http://exporthelp.europa.eu/hdlinks/links.ctm>)

LINKS

This section provides information concerning EU and Member State authorities and international organisations involved in trade operations and trade promotion. Please choose a link category by clicking on it.

LINKS TO CUSTOMS WEBSITES

- EU - Institutions
- Candidate Countries for EU Accession
- International Organisations
- EU27 Member States

LINKS TO TRADE AND OTHER PROFESSIONAL ASSOCIATIONS

- EU27 Member States
- EU level
- International level

LINKS TO ORGANISATIONS INVOLVED IN TRADE AND DEVELOPMENT POLICY

Others


EC

8. HỘ THƯ LIÊN HỆ - CONTACT MAILBOX

Mục **Hộp thư liên hệ** (<http://exporthelp.europa.eu/hdinforequest>) giúp các nhà xuất khẩu của các nước đang phát triển gửi câu hỏi chi tiết về các trường hợp thực tế. Các câu hỏi có thể được gửi bằng 1 trong 4 ngôn ngữ của Export Helpdesk (Anh, Pháp, Bồ Đào Nha hoặc Tây Ban Nha).

Nhóm Export Helpdesk đã chuyển giao mục Liên hệ cho Trung tâm Liên hệ Trực tiếp của châu Âu (Europe Direct Contact Centre), đây là một dịch vụ chuyên biệt của Ủy ban châu Âu để trả lời những câu hỏi được các công dân gửi tới về mọi vấn đề liên quan đến Liên minh châu Âu. Nhóm EH và Europe Direct cộng tác chặt chẽ với nhau. Khoảng 2/3 số câu hỏi được trả lời trong vòng 5 ngày.

CONTACT FORM

In this section it is possible to lodge detailed information requests about real-life situations encountered by exporters.

Your enquiry will be handled by the Europe Direct Contact Centre on behalf of the Export Helpdesk.



Contact Form

Please submit your enquiry by completing the form below.

[All your personal information will be treated confidentially.](#)

(*) – mandatory data

Title *	☐ Ms ☐ Mr
First Name *	
Family Name *	
E-mail address *	
Country of residence *	Please select
Nationality	Please select
Organisation type *	Please select
In which language would you like to receive an answer? *	English (en)

Please describe your enquiry clearly in the box below:

Subject *	Please select
Enquiry *	
	2000 Characters left

Security code

To help us maintain network security, please type the characters you see in the image into the box below *



Submit

TUYÊN BỐ

Ủy ban không chịu bất cứ trách nhiệm hay nghĩa vụ pháp lý nào đối với tài liệu trong văn bản này.

Tài liệu này:

- Là thông tin mang tính chất khái quát chung không nhằm giải quyết các trường hợp cụ thể của bất kỳ cá nhân hay thực thể cá biệt nào;
- Không nhất thiết phải đầy đủ, toàn diện, chính xác hay cập nhật;
- Không phải là tư vấn chuyên nghiệp hoặc pháp lý (nếu bạn cần tư vấn cụ thể, bạn cần phải tham vấn cán bộ chuyên môn có trình độ thích hợp).

Xin lưu ý là không thể đảm bảo rằng một văn bản trực tuyến sẽ sao chép chính xác nguyên văn văn bản đã thông qua chính thức. Chỉ có các luật của Liên minh châu Âu được đăng trên báo giấy của Nhật báo Chính thức của Cộng đồng châu Âu mới được coi là xác thực.

Tuyên bố này không nhằm hạn chế trách nhiệm của Ủy ban khi có vi phạm đối với bất cứ yêu cầu nào được quy định trong luật quốc gia hay loại trừ trách nhiệm đối với các vấn đề không được loại trừ theo luật đó.